

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Hữu Thi**.

2. Ông **Tôn Văn Hùng**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu**, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 84/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2017 về tranh chấp: “Xin ly hôn và chia tài sản chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Thị T**, sinh năm 1975. (Có mặt)

- Địa chỉ: ấp M, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Tạm trú: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1978. (Có mặt)

- Địa chỉ: Ấp M, xã T, thị xã C, Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Văn B**, sinh 1954. (Xin vắng mặt)

2. Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1952. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:*

Bà và ông D chung sống năm 1999 và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, phát sinh bất đồng về quan điểm sống mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thành. Bà T đã từng nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án nhưng sau đó rút đơn do

ông D hứa sẽ thay đổi. Nhưng sau đó ông D vẫn chứng nào tật nấy, nên chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Nay tôi yêu cầu xin ly hôn với ông D.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 26/4/2006 và cháu Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 24/01/2002. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/02 con.

- Về tài sản chung:

- + 01 căn nhà trên đất của ông Lê Văn B trị giá 850.000.000 đồng;
- + 01 phần đất tọa lạc tại ấp M, xã T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trị giá 150.000.000 đồng;
- + 01 xe máy hiệu NOUVO mang biển kiểm soát 63B2-420.38 trị giá 20.000.000 đồng;
- + 01 xe máy hiệu DREAM II mang biển kiểm soát 64S1-8246 trị giá 3.000.000 đồng;
- + 01 dàn nhạc sống trị giá 30.000.000 đồng;
- + 01 chuồng heo trị giá 40.000.000 đồng;
- + 01 tủ truyền hình bằng gỗ trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 tủ quần áo bằng gỗ trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 bộ ly quăng bằng gỗ trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 bộ salon lớn bằng gỗ trị giá 60.000.000 đồng;
- + 01 bộ salon nhỏ bằng gỗ trị giá 25.000.000 đồng;
- + 01 bộ rèm vải cửa sổ trị giá 8.000.000 đồng;
- + 01 máy lạnh trị giá 3.000.000 đồng;
- + 01 bình nước nóng trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 bộ ghế dài mặt bằng kính trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 bộ ghế bàn tròn trị giá 1.000.000 đồng;
- + Giá trị cá nuôi trong 03 ao cá là 10.000.000 đồng;
- + 03 con heo nái trị giá 12.000.000 đồng.

Tổng cộng, tài sản chung trị giá là 1.122.000.000 đồng.

Bà T yêu cầu chia đôi tài sản chung, mỗi người nhận phần tài sản giá trị 561.000.000 đồng. Cụ thể, bà T yêu cầu được nhận như sau:

- + 01 phần đất tọa lạc tại ấp M, xã T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trị giá 150.000.000 đồng;
- + 01 xe máy hiệu NOUVO mang biển kiểm soát 63B2-420.38 trị giá 20.000.000 đồng;
- + 01 tủ truyền hình bằng gỗ trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 tủ quần áo bằng gỗ trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 bộ ly quăng bằng gỗ trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 bộ salon lớn bằng gỗ trị giá 60.000.000 đồng;
- + 01 bộ salon nhỏ bằng gỗ trị giá 25.000.000 đồng;
- + 01 bộ rèm vải cửa sổ trị giá 8.000.000 đồng;
- + 01 máy lạnh trị giá 3.000.000 đồng;

- + 01 bình nước nóng trị giá 2.000.000 đồng;
- + 01 bộ ghế dài mặt bằng kính trị giá 2.000.000 đồng
- + 01 bộ ghế bàn tròn trị giá 1.000.000 đồng;
- + Nhận giá trị tiền mặt số tiền là 284.000.000 đồng.

Bà T yêu cầu được tài sản là tiền mặt ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2017 bà Hoàng Thị T trình bày ý kiến: Xin rút yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung bà yêu cầu được tự thỏa thuận với ông D, nếu không thỏa thuận được tôi sẽ kiện thành 01 vụ kiện khác.

** Bị đơn ông Lê Văn D trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999 tôi và bà T quan hệ vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà T ông không đồng ý, vì không có mâu thuẫn gì lớn.

- Về con chung: có 2 con tên Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 24/01/2000 và Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 26/4/2006 do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Mỹ L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung do ông D quản lý gồm:

- 01 căn nhà trên đất mẹ tôi là bà Phan Thị N trị giá 400.000.000đ.
- 01 thửa đất tọa lạc ấp M, xã T, thị xã C, Tiền Giang, trị giá 120.000.000đ.
- 01 tủ truyền hình bằng gỗ trị giá 2.000.000đ
- 01 tủ quần áo bằng gỗ trị giá 2.000.000đ.
- 01 bộ đi văng bằng gỗ trị giá 800.000đ.
- 01 bộ sa lon bằng gỗ trị giá 20.000.000đ.
- 01 máy lạnh trị giá 3.000.000đ.
- 01 bình nước nóng trị giá 800.000đ.
- 01 bộ ghế dài mặt kính trị giá 1.000.000đ.
- 01 ghế bàn tròn gỗ trị giá 1.000.000đ.

Tài sản do bà T quản lý gồm:

- 01 xe máy Dream II biển số 63S1-8246 trị giá 3.000.000đ
- Số vàng 04 chỉ vàng 24K do chị tôi Lê Thị Trọng trả cho vợ tôi quản lý.
- 01 thửa đất 02 công tọa lạc ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Mua của ba vợ Hoàng Đức L, hiện cho ông Tám Q thuê một năm 02 vụ 20 gạ lúa.

Ngoài ra còn có 1 số tài sản chung ông D đã bán:

- 01 xe máy hiệu Nouvo biển kiểm soát 63B2-420.38 trị giá 15.000.000đ
- Giá trị cá nuôi trong 3 ao cá là 6.000.000đ
- 03 con heo nái, nhưng không nhớ trị giá khi bán là bao nhiêu.

- Ngoài ra bà T trình bày tài sản chung gồm có 01 giàn nhạc sống trị giá 30.000.000đ và 01 bộ sa lon lớn bằng gỗ trị giá 60.000.000đ là hoàn toàn đúng.

Tài sản nêu trên tôi đồng ý chia mỗi người ½. Tôi yêu cầu chia cho tôi số tài sản tôi đang quản lý, chia cho bà T số tài sản bà T đang quản lý.

Về nợ chung: không có.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2017 ông D trình bày ý kiến:*

+ Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Hoàng Thị T.

+ Về con chung: ông và bà T thống nhất để bà T nuôi dưỡng 2 con chung, ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 500.000đ/tháng/02 con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: tôi yêu cầu tự thỏa thuận với bà T, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành 01 vụ kiện khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn B và bà Phan Thị N thống nhất trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T ông bà ý kiến như sau: Ông bà cho ông D, bà T xây dựng căn nhà trên phần đất của ông bà để sinh sống. Ông bà thống nhất căn nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông D, bà T, nay việc chia đôi ngôi nhà này ông bà không có ý kiến gì. Nhưng nếu trường hợp Tòa án giao căn nhà cho bà T quản lý sử dụng thì ông bà yêu cầu bà T phải tháo dỡ nhà ra khỏi phần đất của ông bà.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà T, ông D đã thống nhất thỏa thuận ly hôn, con chung, và yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản chung, về hôn nhân đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông D, giao 2 con chung cho bà T nuôi dưỡng và ghi nhận ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ/02 con; Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Bấy theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn D trình bày thống nhất ông bà xác lập quan hệ quan hệ vợ chồng vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn D phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, bà T và ông D vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D đã vi phạm Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, nên quan hệ giữa bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: có 2 con tên Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 24/01/2000 và Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 26/4/2006 do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 2 con và yêu cầu ông D cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/2 con. Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2017 bà T và ông D thống nhất để bà T nuôi dưỡng 2 con chung và ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ/2 con. Xét thấy, sự thỏa thuận của bà T và ông D về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của 2 cháu

Lê Thị Mỹ L và Lê Thị Mỹ K và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/3/2017 và các biên bản hòa giải vào các ngày: 04/4/2017, 19/4/2017, 09/5/2017 bà T và ông D yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng. Nhưng đến ngày 25/7/2017 bà Hoàng Thị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện bằng 1 vụ án khác, ông D cũng thống nhất với yêu cầu xin rút phần tranh chấp chia tài sản chung của bà T, xét việc bà T rút yêu cầu chia là sản chung khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, nên HĐXX áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án tranh chấp xin ly hôn giữa bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn D. Do bà T đã rút yêu cầu chia tài sản trong vụ án ly hôn nên HĐXX nghĩ không cần thiết phải đưa bà Nguyễn Thị H vô tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nợ chung: bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn D thống nhất khai không có nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Ông Lê Văn B và bà Phan Thị N không có yêu cầu độc lập nhưng ông bà có ý kiến: ông bà cho ông D, bà T xây dựng nhà trên phần đất của ông bà để sinh sống. Ông bà thống nhất căn nhà trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông D, bà T, nay việc chia đôi ngôi nhà này ông bà không có ý kiến gì. Nhưng nếu trường hợp Tòa án giao căn nhà cho bà T quản lý sử dụng thì ông bà yêu cầu bà T phải tháo dỡ nhà ra khỏi phần đất của ông bà. Tại phiên tòa hôm nay do bà T đã rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung khi ly hôn nên bà Năm không có ý kiến gì khác cũng như không có yêu cầu gì đối với bà T, ông D.

Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Lê Văn D phải chịu 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 51, 26, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị T và ông Lê Văn D.

- Về con chung: Giao 02 con tên Lê Thị Mỹ K, sinh ngày 24/01/2000 và Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 26/4/2006 cho bà Hoàng Thị T nuôi dưỡng. Ông Lê Văn D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ/2 con và ông D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà Hoàng Thị T.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đ và 13.220.000đ tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0000623, 0000624 ngày 15/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, cần trừ nên bà T được hoàn lại 13.220.000đ. Ông D phải chịu 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hoàng Thị T, ông Lê Văn D, bà Phan Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa